**NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**





C:\Users\tdqua_000\Dropbox\SS-Slides\DeCuong-CDIO\Template CDIO v4.2\Templates\Hinh anh\LogoTruong.png



**MỤC LỤC**

[**1**](#_gjdgxs) **Thông tin nhóm 2**

[**2**](#_30j0zll) **Kế hoạch kiểm thử (Test Plan) 3**

[**3**](#_1fob9te) **Test case 4**

[3.1](#_3znysh7) Danh sách các test case 4

[3.2](#_2et92p0) Đặc tả các test case 4

[3.2.1](#_tyjcwt) Test case 1 4

[3.2.2](#_1t3h5sf) Test case 2 4

**TÀI LIỆU KIỂM THỬ**

Tài liệu tập trung vào các chủ đề:

* Tạo ra tài liệu kiểm thử phần mềm.
* Hoàn chỉnh tài liệu kiểm thử phần mềm với các nội dung:
  + Kế hoạch kiểm thử (Test plan)
  + Các test case
* Đọc hiểu tài liệu kiểm thử phần mềm.

# Thông tin nhóm

**Website / Facebook nhóm:** <https://www.facebook.com/>Group

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **MSSV** | **Họ Tên** | **Email** | **Điện thoại** |
| *<MSSV1>* |  |  |  |
| *<MSSV2>* |  |  |  |
| *<MSSV3>* |  |  |  |

# Kế hoạch kiểm thử (Test plan)

*[Trình bày kế hoạch kiểm thử dự án, cần nêu rõ nhóm dự định sẽ áp dụng những kỹ thuật kiểm thử nào, sẽ thực hiện trên các đối tượng (chức năng, tài liệu) nào của hệ thống]*

# Test case

## Danh sách các test case

*[Liệt kê tên các test case, các đối tượng test và diễn giải]*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên test case** | **Đối tượng test** | **Ý nghĩa** |
| 1 | Tồn tại loại khách cần xóa | ListView trong màn hình Danh sách loại khách. | Phải tồn tại loại khách thì mới xóa được. |
| 2 | Không tồn tại loại khách cần xóa | ListView trong màn hình Danh sách loại khách. | Loại khách đó đã được xóa rồi hoặc chưa thêm vào. |
| 3 | Nút xóa đặt đúng vị trí | Button xóa trong màn hình Danh sách loại khách. | Thuận tiện cho người dùng khi cần xóa loại khách. |
| 4 | Nhận diện hành động bấm nút xóa | Button xóa trong màn hình Danh sách loại khách. | Khi bấm được thì mới xóa được. |
| 5 | Danh sách loại khách cập nhật lại | ListView trong màn hình Danh sách loại khách. | Danh sách được cập nhật lại mới sau khi bấm nút để xóa 1 hàng. |
| 6 | Dữ liệu thay đổi bên dưới database khi xóa | File chứa dữ liệu phần loại khách của phần mềm. | Dữ liệu lưu trữ được thay đổi theo. |
| 7 | Menu chứa màn hình Danh sách loại phòng | Menu trong màn hình chính. | Biết được màn hình Danh sách loại phòng có tồn tại. |
| 8 | Danh sách loại phòng nằm đúng vị trí | ListView chứa danh sách loại phòng và label chứa tên màn hình trong màn hình Danh sách loại phòng. | Dễ nhìn cho người dùng. |
| 9 | Thông tin hiển thị loại phòng rõ ràng | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Hiển thị thông tin rõ ràng dễ nhìn cho người dùng. |
| 10 | Dữ liệu hiển thị đúng | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Dữ liệu giống với dữ liệu bên database. |
| 11 | Chọn được từng loại phòng | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng chọn được loại khách họ muốn. |
| 12 | Kiểm tra tải dữ liệu lên màn hình Danh sách loại phòng | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Biết được quá trình tải dữ liệu lên có bị lỗi hay không. |
| 13 | Tồn tại loại phòng cần xóa | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Phải tồn tại loại phòng thì mới xóa được. |
| 14 | Không tồn tại loại phòng cần xóa | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Loại phòng đó đã được xóa rồi hoặc chưa thêm vào. |
| 15 | Nút xóa đặt đúng vị trí | Button xóa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thuận tiện cho người dùng khi cần xóa loại phòng. |
| 16 | Nhận diện hành động bấm nút xóa | Button xóa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Khi bấm được thì mới xóa được. |
| 17 | Danh sách loại phòng cập nhật lại | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Danh sách được cập nhật lại mới sau khi bấm nút để xóa 1 hàng. |
| 18 | Dữ liệu thay đổi bên dưới database khi xóa | File chứa dữ liệu phần loại khách của phần mềm. | Dữ liệu lưu trữ được thay đổi theo. |
| 19 | Tồn tại loại khách cần chỉnh sửa | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Phải tồn tại loại phòng thì mới chỉnh sửa được. |
| 20 | Không tồn tại loại phòng cần chỉnh sửa | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Loại khách đó chưa thêm vào. |
| 21 | Nút chỉnh sửa đặt đúng vị trí | Button chỉnh sửa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thuận tiện cho người dùng khi cần xóa loại phòng. |
| 22 | Nhận diện hành động bấm nút chỉnh sửa | Button chỉnh sửa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Khi bấm được thì mới cập nhật lại thông tin trong khung chỉnh sửa xuống listView. |
| 23 | Danh sách loại phòng cập nhật lại | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Danh sách được cập nhật lại mới sau khi bấm nút chỉnh sửa 1 loại khách. |
| 24 | Dữ liệu thay đổi bên dưới database khi chỉnh sửa | File chứa dữ liệu phần loại phòng của phần mềm. | Dữ liệu lưu trữ được thay đổi theo. |
| 25 | Hiển thị thông tin trong khung chỉnh sửa | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thông tin cần chỉnh sửa của 1 hàng sẽ được hiển thị trên khung chỉnh sửa. |
| 26 | Nút thêm đặt đúng vị trí | Button thêm trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thuận tiện cho người dùng khi cần thêm loại phòng. |
| 27 | Nhận diện hành động bấm nút thêm | Button thêm trong màn hình Danh sách loại phòng. | Khi bấm được thì mới thêm thông tin vào dữ liệu và listView |
| 28 | Danh sách loại phòng cập nhật lại | ListView trong màn hình Danh sách loại phòng. | Danh sách được cập nhật lại mới sau khi bấm nút thêm loại phòng. |
| 29 | Dữ liệu thay đổi bên dưới database khi thêm | File chứa dữ liệu phần loại phòng của phần mềm. | Dữ liệu lưu trữ được thay đổi theo. |
| 30 | Khung thêm loại phòng đúng vị trí | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Thuận tiện khi người dùng muốn thêm một loại mới. |
| 31 | Khung thêm loại phòng nhập liệu được | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Lấy thông tin nhập từ EiditText để thêm vào danh sách loại phòng. |
| 32 | Tên loại phòng bị trùng | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Đã tồn tại loại phòng đó. |
| 33 | Đơn giá và loại phòng đúng kiểu dữ liệu. | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Phải nhập đúng kiểu tên và giá cho loại phòng. |
| 34 | Đơn giá và loại phòng không đúng kiểu dữ liệu. | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Sai kiểu dữ liệu. |
| 35 | Lỗi khi thêm phòng | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng sẽ được thông báo để biết dữ liệu nhập vào đã sai hoặc lưu xuống data có lỗi. |
| 36 | Lỗi khi chỉnh sửa phòng | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng sẽ được thông báo để biết dữ liệu chỉnh sửa đã sai hoặc lưu xuống data có lỗi. |
| 37 | Cảnh báo khi xóa một loại phòng | Button xóa trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng biết được họ muốn xóa loại phòng đó hay không. |
| 38 | Cảnh báo khi xóa một loại khách | Button xóa trong màn hình Danh sách loại khách. | Người dùng biết được họ muốn xóa loại khách đó hay không. |
| 39 | Kiểm tra đơn giá khi thay đổi | EditText trong màn hình Danh sách loại phòng. | Người dùng biết được đơn giá nhập vào đúng hay sai. |
| 40 | Menu chứa màn hình Thay đổi phụ thu | Menu trong màn hình chính. | Biết được màn hình thay đổi phụ thu có tồn tại. |
| 41 | Tiêu đề và khung chỉnh sửa phụ thu đúng vị trí | Label chứa tên màn hình và EditText trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Dễ nhìn và thao tác cho người dùng. |
| 42 | Có nút xác nhận và hủy bỏ | Button xác nhận và Button hủy bỏ trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Thuận tiện cho người dùng. |
| 43 | Thông báo khi nhấn nút cập nhật | Message khi bấm nút xác nhận trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Giúp người dùng kiểm tra lại lần cuối trước khi cập nhật giá trị mới. |
| 44 | Kiểm tra giá trị phụ thu cần cập nhật | EditText trong màn hình Thay đổi phụ thu. | Xác nhận xem giá trị phụ thu có hợp lệ hay không. |
| 45 | Dữ liệu cập nhật mới khi thay đổi phụ thu | File lưu trữ dữ liệu phụ thu. | Dữ liệu đã được cập nhật xuống nơi lưu trữ liệu. |
| 46 | Menu chứa màn hình Thay đổi số khách tối đa | Menu trong màn hình chính. | Biết được màn hình Thay đổi số khách tối đa có tồn tại. |
| 47 | Tiêu đề và khung chỉnh sửa số khách tối đa đúng vị trí | Label chứa tên màn hình và EditText trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Dễ nhìn và thao tác cho người dùng. |
| 48 | Có nút xác nhận và hủy bỏ | Button xác nhận và Button hủy bỏ trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Thuận tiện cho người dùng. |
| 49 | Thông báo khi nhấn nút cập nhật | Message khi bấm nút xác nhận trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Giúp người dùng kiểm tra lại lần cuối trước khi cập nhật giá trị mới. |
| 50 | Kiểm tra giá trị số khách tối đa cần cập nhật | EditText trong màn hình Thay đổi số khách tối đa. | Xác nhận xem giá trị số khách tối đa có hợp lệ hay không. |
| 51 | Dữ liệu cập nhật mới khi thay đổi số khách tối đa | File lưu trữ dữ liệu số khách tối đa. | Dữ liệu đã được cập nhật xuống nơi lưu trữ liệu. |
| 52 | Menu chứa màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng | Menu trong màn hình chính. | Biết được màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng có tồn tại. |
| 53 | Báo cáo và tiêu đề màn hình nằm đúng vị trí | ListView chứa báo cáo và label chứa tên màn hình trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Dễ nhìn cho người dùng. |
| 54 | Thông tin hiển thị báo cáo rõ ràng | ListView trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Hiển thị thông tin rõ ràng dễ nhìn cho người dùng. |
| 55 | Dữ liệu hiển thị đúng | ListView trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Dữ liệu giống với dữ liệu được tính toán. |
| 56 | Chọn theo tháng | Combobox trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Xem báo cáo theo từng tháng. |
| 57 | Kiểm tra tải dữ liệu lên màn hình Danh sách loại phòng | ListView trong màn hình Báo cáo doanh thu theo loại phòng. | Biết được quá trình tải dữ liệu lên có bị lỗi hay không. |

## Đặc tả các test case

*[Sinh viên chọn và trình bày đặc tả của vài (9-10) test case quan trọng nhất]*

### Test case 1

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** |  |
| *Related Use case* | *[Use case liên quan]* |
| *Context* | *[Ngữ cảnh thực hiện test case]* |
| *Input Data* | *[Dữ liệu đầu vào]* |
| *Expected Output* | *[Kết quả mong muốn]* |
| *Test steps* | *[Các bước thực hiện]* |
| *Actual Output* |  |
| *Result* | *Passed / Failed* |

### Test case 2

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** |  |
| *Related Use case* | *[Use case liên quan]* |
| *Context* | *[Ngữ cảnh thực hiện test case]* |
| *Input Data* | *[Dữ liệu đầu vào]* |
| *Expected Output* | *[Kết quả mong muốn]* |
| *Test steps* | *[Các bước thực hiện]* |